

BÁO CÁO RÀ SOÁT ĐẦU TƯ VÀ CHI TIÊU CÔNG CHO BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU (CPEIR) – GIAI ĐOẠN 2016-2020 – TỈNH ĐẮK LẮK

1. Tình hình biến đổi khí hậu ở Đắk Lắk

Giới thiệu chung về tỉnh Đắk Lắk

Tỉnh Đắk Lắk nằm ở trung tâm của khu vực Tây Nguyên, đầu nguồn của hệ thống sông Sêrêpôk và một phần của sông Ba. Tỉnh lỵ của Đắk Lắk là thành phố Buôn Ma Thuột, cách Thành phố Hồ Chí Minh 350 km được xem là thủ phủ của khu vực Tây Nguyên.

Năm 2018, dân số của tỉnh là khoảng 1,92 triệu người, tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân đầu người là 41,0 triệu đồng (~1.781 đô la), tổng giá trị GRDP của toàn tỉnh đạt 78,7 nghìn tỉ đồng (3,42 tỉ đô la), tốc độ tăng trưởng GRDP năm 2018 đạt 7,8%. Năm 2019, tốc độ tăng trưởng kinh tế là 9,2% thu nhập bình quân đầu người đạt 49,0 triệu đồng.

Kinh tế chủ đạo của tỉnh chủ yếu dựa vào sản xuất và xuất khẩu nông, lâm sản. Đắk Lắk là tỉnh có diện tích và sản phẩm cà phê xuất khẩu lớn nhất cả nước (chiếm 40% sản lượng cả nước). Tỉnh cũng là nơi trồng nhiều bông, cacao, cao su, điều lớn của Việt Nam.



Tác động của biến đổi khí hậu đến tỉnh Đắk Lắk

Thời gian gần đây, do ảnh hưởng của BĐKH, diễn biến thời tiết ở Đắk Lắk ngày càng bất thường và cực đoan. Những cơn mưa lớn và thường xuyên, những trận lũ lụt kinh hoàng, lốc xoáy gây ra nhiều thiệt hại người và tài sản. Vùng sâu, vùng xa chính là nơi bị ảnh hưởng thiên tai nhiều nhất. Hơn nữa, tình trạng hạn hán đã và đang diễn ra hết sức khốc liệt.

Ngoài ra, phá rừng, khai thác tài nguyên không theo quy hoạch dẫn tới những hậu quả lớn. Do dân số tăng, người dân tự ý chặt phá, đốt rừng làm rẫy. Điều đó đã làm cho hệ sinh thái mất cân bằng. Bên cạnh đó, việc phát triển hàng loạt công trình thủy điện cũng là lý do khiến biến đổi khí hậu¹.

Hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu ở tỉnh Đắk Lắk²

Lãnh đạo tỉnh Đắk Lắk đã đưa ra nhiều giải pháp ứng phó biến đổi khí hậu phù hợp với từng địa phương trên cơ sở đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội bền vững, tăng trưởng xanh, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên.

Giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu tập trung vào: i) quy hoạch, khoanh vùng phòng, tránh lũ quét, sạt lở đất; ii) trồng rừng phủ xanh đất trống đồi núi trọc; iii) bảo vệ rừng phòng hộ đầu nguồn; iv) bảo vệ môi

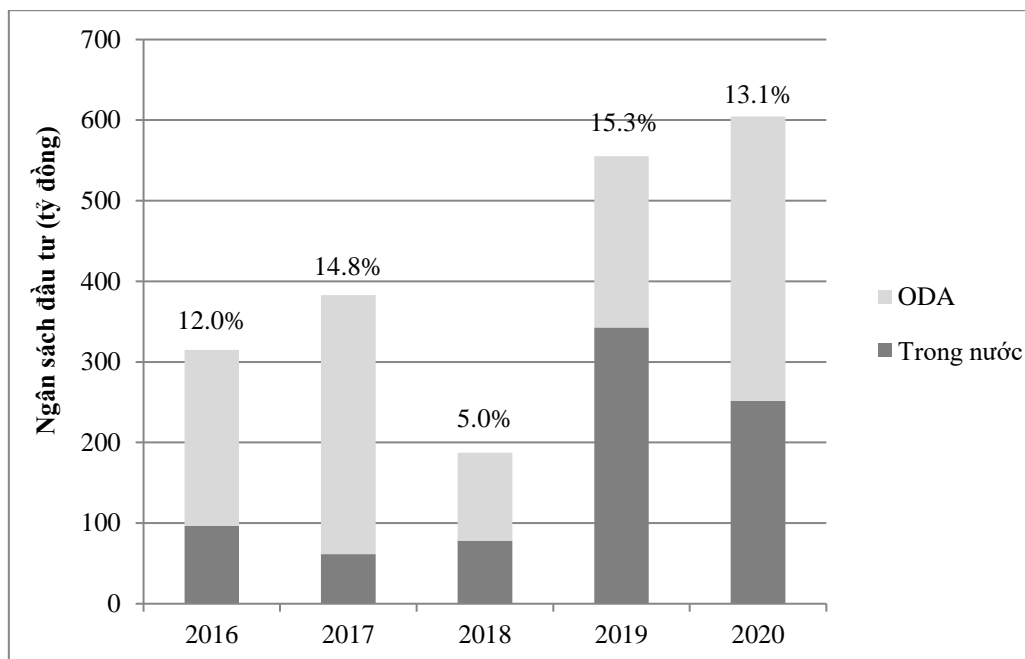
¹ Theo: <https://baotainguyenmoitruong.vn/dak-lak-gong-minh-voi-bien-doi-khi-hau-242755.html>

² Chỉ đề tham khảo, lồng ghép vào phần kết quả phân tích đầu tư công cho BĐKH tại từng địa phương

trường sinh thái. Bên cạnh đó, tính toán phân tích kỹ khi xây dựng các công trình thủy điện, đầu tư vào thủy lợi và sử dụng nguồn nước hợp lý, đảm bảo điều tiết nước cho mùa khô. Chuyển đổi cơ cấu vật nuôi cây trồng theo hướng bền vững phù hợp với điều kiện tự nhiên của khu vực.

2. Tổng hợp dữ liệu về đầu tư biến đổi khí hậu ở Đắk Lắk

2.1 Nguồn ngân sách đầu tư cho BĐKH



Hình 1: Tổng ngân sách đầu tư cho biến đổi khí hậu tại Đắk Lắk – (phần trăm chi ngân sách cho biến đổi khí hậu trên tổng chi ngân sách cho đầu tư phát triển của tỉnh được biểu thị bởi giá trị (%) trên cùng của mỗi cột)

Bảng 1: Đầu tư cho biến đổi khí hậu tại Đắk Lắk theo từng năm từ 2016-2020 và theo nguồn vốn

Năm	Đầu tư trong nước cho BĐKH (tỷ đồng)	Đầu tư nước ngoài cho BĐKH (tỷ đồng)	Tổng đầu tư cho BĐKH (vốn trong và ngoài nước) (tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn đầu tư trong nước cho BĐKH (%)	Tỷ lệ vốn đầu tư nước ngoài cho BĐKH (%)	Tổng đầu tư công của tỉnh (tỷ đồng)	Tỷ lệ đầu tư cho BĐKH trên tổng đầu tư công của tỉnh (%)
2016	96,5	218,3	314,8	30,7	69,3	2.633,9	12,0
2017	61,5	321,6	383,1	16,0	84,0	2.592,3	14,8
2018	78,1	109,2	187,3	41,7	58,3	3.710,5	5,0
2019	342,9	212,3	555,1	61,8	38,2	3.638,2	15,3
2020	251,7	352,7	604,4	41,6	58,4	4.607,9	13,1

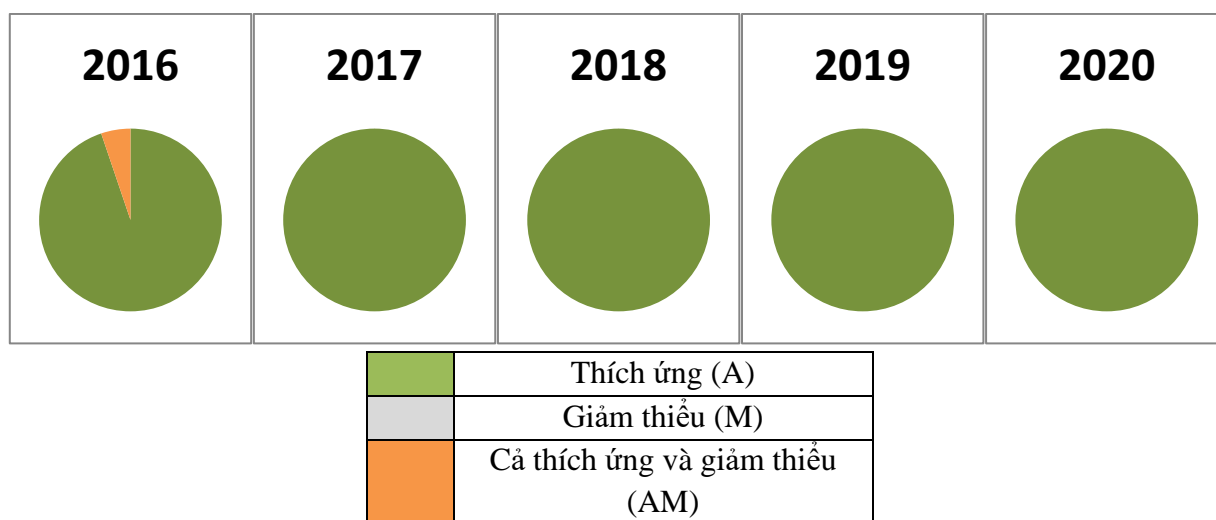
Tổng chi đầu tư cho BĐKH bình quân giai đoạn 2016-2020 của tỉnh Đắk Lắk là khoảng 409 tỷ đồng/năm. Ngân sách đầu tư khí hậu này cao nhất vào năm 2020 (dự kiến 604 tỷ đồng) và thấp nhất vào năm 2016, năm bắt đầu kế hoạch trung hạn (315 tỷ đồng).

Giai đoạn 2016-2020, chi đầu tư cho biến đổi khí hậu bằng nguồn vốn trong nước bình quân hàng năm là 166 tỷ đồng, chiếm hơn 40% tổng chi đầu tư, nguồn ODA đóng góp khoảng 243 tỷ đồng, chiếm gần 60%. Tỷ trọng đầu tư cho biến đổi khí hậu từ nguồn ODA thay đổi theo năm, thấp nhất là 38% (năm 2019) và cao nhất lên tới 84% (năm 2017).

Tỷ lệ chi đầu tư cho biến đổi khí hậu trên tổng chi đầu tư phát triển của toàn tỉnh thay đổi từ 5% đến 15,3%, trung bình 11,9% cho cả giai đoạn nghiên cứu 5 năm.

2.2 Chi ngân sách cho biến đổi khí hậu, theo mục đích chi

a) Phân bổ loại dự án cho “thích ứng”, “giảm thiểu” hoặc cho cả “thích ứng” và “giảm thiểu”



Hình 2: Chi đầu tư cho thích ứng và giảm thiểu (Đơn vị: %)

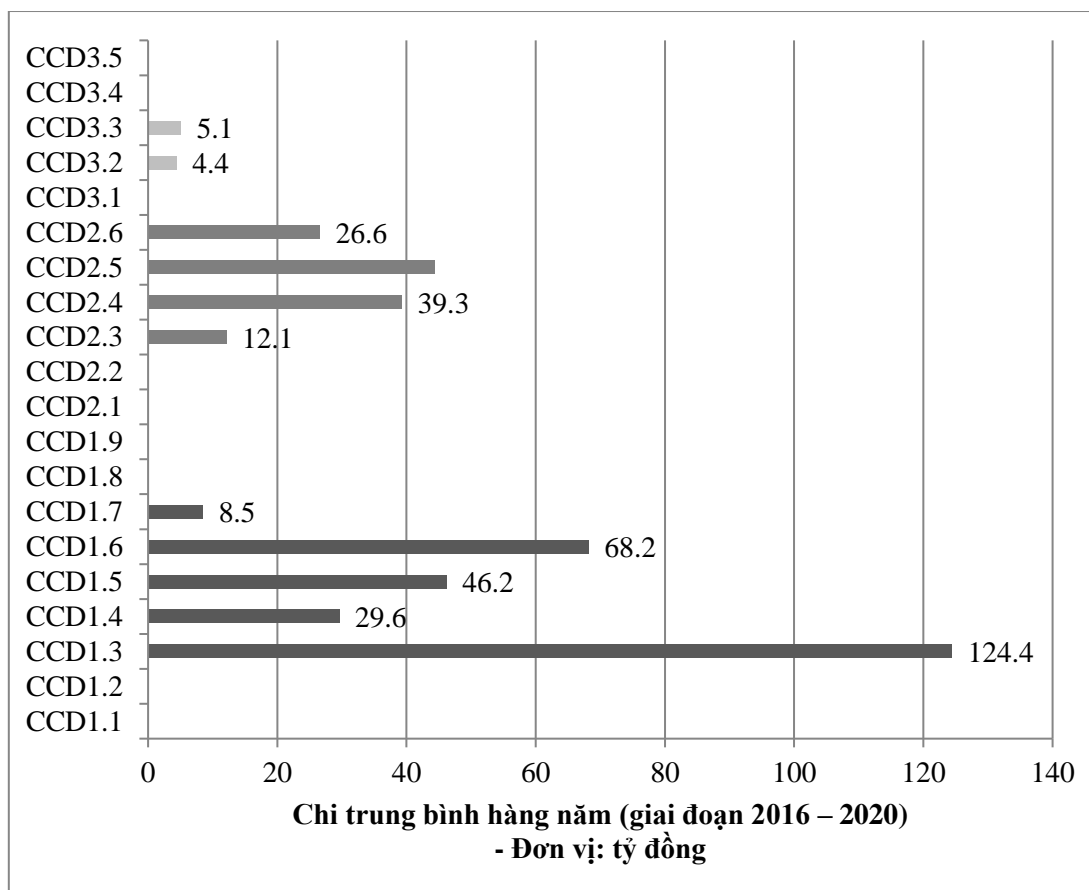
Số liệu chi tiết, đầu tư cho biến đổi khí hậu phân theo thích ứng và giảm nhẹ biến

Đơn vị: Tỷ đồng	2016		2017		2018		2019		2020	
Thích ứng	298,4	94,8%	383,1	100,0%	187,3	100,0%	555,1	100,0%	604,4	100,0%
Giảm thiểu	-	0,0%	-	0,0%	-	0,0%	-	0,0%	-	0,0%
Thích ứng & Giảm thiểu	16,5	5,2%	-	0,0%	-	0,0%	-	0,0%	-	0,0%

Hầu hết các dự án đầu tư liên quan đến biến đổi khí hậu tại Đắk Lắk thuộc lĩnh vực thích ứng với BĐKH, chiếm hơn 99%, địa phương không có dự án giảm nhẹ, dự án đa mục tiêu (tổng hợp), vừa đóng góp cho giảm nhẹ và thích ứng BĐKH được thực hiện trong năm 2016, tổng mức đầu tư khoảng 16,5 tỷ đồng, đó là các dự án về phát triển rừng phòng hộ, đặc dụng và sản xuất hay dự án về phát triển lâm nghiệp để cải thiện đời sống của nông dân vùng Tây Nguyên – FLITCH.

b) Phân bổ cho các nhiệm vụ chi đầu tư thực hiện ứng phó với biến đổi khí hậu (CCD)

Chi đầu tư cho ứng phó với biến đổi khí hậu, trung bình hằng năm giai đoạn 2016 – 2020 (đơn vị: tỷ đồng)



Về lĩnh vực (chủ đề) đầu tư cho ứng phó với biến đổi khí hậu tại Đắk Lắk, đáng lưu ý, đầu tư lớn nhất là lĩnh vực Thủy lợi, mã CCD 1.3 (tập trung vào các dự án hồ chứa nước kiên cố hóa kênh mương, sử dụng nước hiệu quả, giải quyết vấn đề hạn hán của khu vực), đầu tư trên 124 tỷ đồng/năm, chiếm tỷ trọng 30,4% và tiếp theo là lĩnh vực CCD 1.6, Phát triển nông thôn và an ninh lương thực, đầu tư 68,2 tỷ đồng/năm, 16,7%.

Ngoài ra có khoảng 09 lĩnh vực đầu tư liên quan đến biến đổi khí hậu khác, với mức độ đầu tư giảm dần, gồm:

- CCD 1.5 (Chất lượng và cung cấp nước: đầu tư 46,2 tỷ đồng/năm, chiếm tỷ trọng 11,3%),
- CCD 2.5 (Cơ sở hạ tầng chuyên biệt chống chịu thiên tai: 45,6 tỷ đồng/năm, chiếm 8,9%),
- CCD 2.4 (Quản lý và xử lý chất thải: 39,3 tỷ đồng/năm, chiếm 9,6%),
- CCD 1.4 (Đê và kè bảo vệ sông: 29,6 tỷ đồng/năm; chiếm 7,2%)
- CCD 2.6 (Tăng cường giảm rủi ro thiên tai: 26,6 tỷ đồng/năm; chiếm 6,5%) và
- Các lĩnh vực còn lại nằm rải rác tại địa phương với mức đầu tư nhỏ, từ 4,4 tỷ đến 12,1 tỷ/năm, chi tiết xem bảng số liệu dưới đây.

Các hoạt động đầu tư nói trên phù hợp với chính sách của địa phương về Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu và Tăng trưởng xanh do UBND tỉnh ban hành.

2.3 Chi ngân sách từ nguồn vốn ODA

Dưới đây là 05 (năm) dự án ODA lớn nhất cho biến đổi khí hậu (Tên dự án, nguồn vốn, giai đoạn đầu tư, tỷ trọng trong tổng đầu tư từ ODA):

1. Dự án giảm nghèo khu vực Tây Nguyên (2016-2020, 16,5%)

2. Dự án Phát triển các thành phố loại 2 tại Quảng Nam, Hà Tĩnh, Đắk Lắk- Tiểu dự án Buôn Ma Thuột (2016-2020, 16,1%)
3. Dự án mở rộng hệ thống thoát nước mưa, nước thải và đấu nối hệ gia đình Tp. Buôn Ma Thuột (2016-2020, 15,6%)
4. Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh nước sạch nông thôn dựa trên kết quả tại 21 tỉnh (2016-2020, 13,3%)
5. Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) (2016-2020, 13,0%)

2.4 Các công cụ lập kế hoạch và chính sách

Công cụ	Có (√)/ Không (X)
CTMTQG về BĐKH tại địa phương, báo cáo cho giai đoạn 2015	√
Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu (CCAP)	√
Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh (GGAP)	√
Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris (PIPA)	X
Khác: không	